

Số: **209/2019/QĐST-HNGĐ**

M, ngày 18 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 270/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị M**, sinh năm: 1987

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1986

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại : Thôn x, xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 và khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn C thuận tình ly hôn.

Do công nhận thuận tình ly hôn giữa chị M và anh C nên Giấy chứng nhận kết hôn số 21 do Ủy ban nhân dân UBND xã Q, thị xã M (nay là thành phố M) tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 15/8/2007 không còn giá trị pháp lý

- Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung là Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Thị Yến Nh, sinh ngày 26/10/2009. Chị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Yến Nh, sinh ngày 26/10/2009 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); Anh C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 12/10/2007 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được can trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Hai đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về khoản nợ chung: Không có.

- Về nghĩa vụ chi án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị M tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001717 ngày 16/9/2019, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Trả lại chị Phạm Thị M số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP. M;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. M;
- UBND xã Q, TP. M;
- Các đương sự;
- Lưu án văn; Hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Phương